

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28-9- 2018.

"V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thao.

2. Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Hồng C**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn T, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn T, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-8-2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày

21-3-2005. Sau đó được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, có lối sống trái ngược nhau trong cách sống và trong công việc làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng không có hạnh phúc. Bản thân anh T là người sống ích kỷ, không quan tâm, chia sẻ với chị, luôn nghi ngờ cho rằng chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mặc dù chị đã nhiều lần giải thích đó là do đặc thù công việc của chị phải gặp gỡ khách hàng, có những mối quan hệ để phục vụ cho công việc chứ không phải chuyện tình cảm trai gái. Tuy nhiên anh cũng không nghe, chỉ biết áp đặt và không thông cảm cho chị làm cho đời sống chung vợ chồng ngày càng căng thẳng, dẫn đến suy nghĩ mệt mỏi. Từ đầu năm 2018 đến nay, chị và anh T mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt, không ăn chung, không ngủ chung, kinh tế của ai làm được thì người đó tự quản lý. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị cũng tìm mọi cách để khắc phục tình trạng trên nhưng cũng không cải thiện được tình cảm, mâu thuẫn kéo dài khiến chị mệt mỏi, mất ngủ, làm ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt cũng như việc học tập của các con.

Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 25-6-2006 và Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17-10-2008. Nếu ly hôn chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến khi thành niên và nhất trí để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi thành niên. Mỗi người nuôi một con chung nên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15-8-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh công nhận về điều kiện và thời gian kết hôn như chị C trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, không hiểu nhau dẫn đến nghi ngờ về chuyện tình cảm làm ảnh hưởng đến hạnh phúc, niềm tin của hai người. Kể từ đầu năm 2018 đến nay, tuy vợ chồng sống chung cùng một nhà nhưng không trò chuyện, không quan tâm và chia sẻ với nhau về công việc và cuộc sống, đối xử với nhau lạnh nhạt, không sinh hoạt cùng nhau. Bản thân anh xác định không còn tình cảm với chị, anh cũng không tìm được biện pháp nào để hàn gắn, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng vì các con nên anh muốn níu kéo

chị C suy nghĩ lại. Nay chị C làm đơn xin ly hôn, anh T không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 25-6-2006 và Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17-10-2008. Nếu ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi thành niên và nhất trí để chị C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến khi thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Vũ Thị N (mẹ đẻ chị C) và ông Nguyễn Văn Ch (bố đẻ anh T) đều trình bày: Chị C và anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách vào ngày 21-3-2005 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Cách và khu dân cư, hàng xóm nơi anh T, chị C sinh sống cung cấp: Chị C và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 3 năm 2005, tại quyển sổ số 01; số thứ tự 33/2005 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T và giải quyết về con chung. Anh T xin được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị Vũ Thị Hồng C ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 25-6-2006 cho chị C nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17-10-2008 cho anh T

nuôi dưỡng đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

+ Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Hồng C yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung, xác định đây là những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn hiện đang sinh sống và cư trú tại thôn T, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Hồng C và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 21-3-2005, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai bất đồng về quan điểm và lối sống, công việc dẫn đến không có sự tin tưởng, nghi ngờ, ghen tuông về sự không chung thủy, vợ chồng luôn xảy ra va chạm làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng. Trong cuộc sống đối xử với nhau lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau; anh chị đã được gia đình hai bên đứng ra hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện chị C không còn tình cảm với anh T nên chị xin ly hôn anh T. Anh T xác định thực chất không còn tình cảm với chị C nhưng không nhất trí ly hôn vì các con nên muốn níu kéo tình cảm lại với chị C. Tuy nhiên bản thân anh cũng không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C ly hôn với anh T là phù hợp.

- *Về quan hệ con chung*: Chị C và anh T đều xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 25-6-2006 và Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17-10- 2008. Khi ly hôn cả chị C và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên và không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét nguyện vọng xin nuôi con của anh

và chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con cả về vật chất lẫn tinh thần thì thấy chị C và anh T đều có thu nhập, chỗ ở ổn định. Khi Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Đức M thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với chị C, nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Minh P muốn được ở cùng với anh T. Vì vậy để đảm bảo mọi mặt về quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con Nguyễn Đức M cho chị Vũ Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, giao con Nguyễn Thị Minh P cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo tính ổn định, đảm bảo quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Vũ Thị Hồng C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Hồng C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 25-6-2006 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 17-10-2008 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo

biên lai số AA/2017/0002215 ngày 06-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- UBND Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Hà